TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-01-2022
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Ngọc Dung;

Bà Hoàng Thị Lá.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- *Bị đơ*n: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn C trước khi kết hôn không được tìm hiểu nhau mà do mai mối, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào tháng giêng năm 2006 (âm lịch), có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 23/01/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm, đến năm 2015 thì xảy

ra mâu thuẫn, nguyên nhân xẩy ra mâu thuẫn, là do bất đồng trong quan điểm sống mỗi người một ý và do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Năm 2016 chị T đi làm thuê tại các công ty ở khu công nghiệp B, hàng tháng vẫn về thăm con và chu cấp tiền cho các con ăn học. Khoảng năm 2018 mâu thuẫn trầm trọng hơn nên chị T ở lại công ty và về nhà ít hơn nhưng vẫn chu cấp tiền để trang trải cuộc sống của gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị Triệu Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn C.

Về con chung: Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn C có 03 con chung là cháu Hoàng Thị Vân K, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2007; cháu Hoàng Thanh U, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2009; cháu Hoàng Trọng V, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2014, khi ly hôn chị T đề nghị để anh Hoàng Văn C được trực tiếp nuôi cả 03 cháu; chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con theo hàng tháng mỗi con 1.000.000 đồng, ba con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn C xác nhận về điều kiện kết hôn đúng như chị T trình bày, anh C và chị T kết hôn năm 2006, trước khi cưới có được tìm hiểu; và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 23/01/2006. Cuộc sống hạnh phúc từ sau ngày cưới đến năm 2019, thì xảy ra mâu thuẫn do con cái đông, nên gia đình gặp nhiều khó khăn, chị T đi làm thuê. Trong thời gian này chị T ít khi về gia đình và phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh C, anh C không đồng ý, anh mong chị T suy nghĩ lại, về cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Hoàng Thị Vân K, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2007; cháu Hoàng Thanh U, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2009; cháu Hoàng Trọng V, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2014. Nếu phải ly hôn anh Hoàng Văn C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con vì bố con anh có nơi ở ổn định, các cháu đang đi học, nếu theo mẹ sẽ bị ảnh hưởng. Về cấp dưỡng anh không yêu cầu, tùy theo khả năng của chị T để chị T tự quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các bản tự khai, các con chung của chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn C là các cháu Hoàng Thị Vân K, Hoàng Thanh U, Hoàng Trọng V có nguyện vọng được ở với bố là anh Hoàng Văn C vì hiện nay các cháu đang sống với bố và học tại Trường Trung học cơ sở và tiểu học xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; và không hòa giải được do anh Hoàng Văn C vắng mặt và chị Triệu Thị T có đơn đề nghị không hòa giải.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn C. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, để anh Hoàng Văn C được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị Triệu Thị T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/con/tháng, đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hoàng Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay bị đơn vẫn cư trú tại đây, nguyên đơn đã chuyển về sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, do vậy Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn C là hợp pháp, được kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, tôn trọng nhau, không có trách nhiệm xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh C và chị T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn, ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị Triệu Thị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, yêu cầu ly hôn, anh Hoàng Văn C cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh mong muốn được đoàn tụ để nuôi dạy con. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị T.

[3] Về con chung: Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn C có 03 con chung là cháu Hoàng Thị Vân K, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2007; cháu Hoàng Thanh U, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2009; cháu Hoàng Trọng V, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2014. Tại phiên tòa, chị Triệu Thị T đề nghị anh Hoàng Văn C trực tiếp nuôi

dưỡng con chung vì chị T không có điều kiện nuôi con. Đề nghị của chị T được anh C chấp nhận đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các con. Do vậy cần chấp nhận thỏa thuận giữa chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn C, theo thỏa thuận, anh Hoàng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Thị Vân K; cháu Hoàng Thanh U; cháu Hoàng Trọng V đến khi trưởng thành. Chị Triệu Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/con/tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng, bị đơn anh Hoàng Văn C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T. Chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận giữa chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn C, anh Hoàng Văn C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Hoàng Thị Vân K, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2007; Hoàng Thanh U, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2009; Hoàng Trọng V, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2014; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi và chị Triệu Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận thỏa thuận giữa chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn C, theo thỏa thuận chị Triệu Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung gồm: Hoàng Thị Vân K, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2007; cháu Hoàng Thanh U, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2009; cháu Hoàng Trọng V, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2014; mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/con/tháng; thời hạn cấp

dưỡng nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi; tiền cấp dưỡng được giao cho anh Hoàng Văn C trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng, nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Triệu Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0003160 ngày 03/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Triệu Thị T còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thế Khuynh